

Số: *55* /2007/QĐ-UBND

Buôn Ma Thuột, ngày *19* tháng *12* năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc sửa đổi, bổ sung bản Quy định kích thước mặt cắt ngang
quy hoạch một số tuyến đường giao thông ban hành kèm theo
Quyết định số 62/2005/QĐ-UBND của UBND tỉnh**

CÔNG VĂN BẢN SỐ *814*
Ngày *12* tháng *07* năm *07*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1024/TTr-SXD ngày 09
tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của bản Quy định kích thước mặt cắt ngang quy hoạch một số tuyến đường giao thông tại thành phố Buôn Ma Thuột ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2005 của UBND tỉnh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung chiều dài quy hoạch của 02 tuyến đường tại mục C (STT 41 và 42) của bản Quy định, như phụ lục 1 kèm theo.

2. Bổ sung chỉ giới đường đỏ, kích thước mặt cắt ngang quy hoạch của 27 tuyến đường khu vực vào mục C của bản Quy định, như phụ lục 2 kèm theo.

Điều 2. Giao cho Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở Giao thông Vận tải, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức hướng dẫn, thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND thành phố Buôn Ma Thuột và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
 - Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
 - Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - Các Sở, ban, ngành;
 - Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
 - Công báo tỉnh; TT Tin học;
 - Lưu VT- CN (T. 30)
- (sđQĐ62-05MCNdgBMT)



CHỦ TỊCH

Lữ Ngọc Cư



Phụ lục 1

Kèm theo Quyết định số 55 /2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh

STT	TÊN ĐƯỜNG	GIỚI HẠN		Chiều dài tuyến (m)	CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ (m)	MẶT CẮT QUY HOẠCH (m)			GHI CHÚ
		Từ ...	Đến ...			Hè phố (Bên trái)	Mặt đường	Hè phố (Bên phải)	
41	Nguyễn Thông	Nguyễn Đình Chiểu	Trần Văn Phú	900,00	18	4,5	9	4,5	Đình chính chiều dài tuyến
42	Nguyễn Khuyến	Nguyễn Đình Chiểu	Lê Thị Hồng Gấm	1.608,00	18	4,5	9	4,5	Sửa đổi giới hạn chiều dài tuyến



Phụ lục 2

Kèm theo Quyết định số 55 /2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh

STT	TÊN ĐƯỜNG	GIỚI HẠN		Chiều dài tuyến (m)	CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỒ (m)	MẶT CÁT QUY HOẠCH (m)			GHI CHÚ
		Từ ...	Đến ...			Hệ phố (Bên trái)	Mặt đường	Hệ phố (Bên phải)	
1	Bùi Huy Bích	Thăng Long	Hết đường	460,00	12	2,5	7	2,5	
2	Trần Nguyên Hân	Thăng Long	Hết đường	466,00	10	2	6	2	
3	Nguyễn Thiếp	Nguyễn Cư Trinh	Nghĩa địa	800,00	12	3	6	3	
4	Nguyễn Huy Tự	Ngã ba nghĩa địa Tàu	Hết đường	750,00	12	3	6	3	
5	Phùng Chí Kiên	Phan Bội Châu	Hoàng Diệu	150,00	12	2,5	7	2,5	
		Hoàng Diệu	Trần Phú	218,00	10	2	6	2	
6	Hàn Thuyên	Trần Phú	Hết đường	200,00	10	2	6	2	
7	Trương Hán Siêu	Phan Bội Châu	Trương Công Định	180,00	10	2	6	2	
8	Lê Công Kiều	Mạc Đình Chi	Mai Xuân Thưởng	300,00	13	2,5	8	2,5	
9	Nam Quốc Cang	Mạc Đình Chi	Mai Xuân Thưởng	300,00	13	2,5	8	2,5	
10	Hải Triều	Lê Thánh Tông	Lý Thái Tổ	200,00	10	2	6	2	
11	Hải Thượng Lãn Ông	Lê Thánh Tông	Lý Thái Tổ	200,00	10	2	6	2	
12	Cao Xuân Huy	Trần Khánh Dư	Trần Nhật Duật	160,00	12	3	6	3	
13	Dã Tượng	Kỳ Đồng	Hết đường	200,00	12	3	6	3	

STT	TÊN ĐƯỜNG	GIỚI HẠN		Chiều dài tuyến (m)	CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ (m)	MẶT CÁT QUY HOẠCH (m)			GHI CHÚ
		Từ ...	Đến ...			Hè phố (Bên trái)	Mặt đường	Hè phố (Bên phải)	
14	Nguyễn Gia Thiều	Nguyễn Chí Thanh	Dã Tượng	400,00	12	3	6	3	
15	Đặng Tất	Nguyễn Chí Thanh	Dã Tượng	400,00	12	3	6	3	
16	Kỳ Đồng	Nguyễn Chí Thanh	Dã Tượng	180,00	10	2	6	2	
17	Trịnh Cấn	Nguyễn Chí Thanh	Trường mẫu giáo NT 30/4	250,00	10	2	6	2	
18	Cổng Quỳnh	Ngô Gia Tự	Chu Văn An	120,00	10	2	6	2	
19	Huỳnh Văn Bánh	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	100,00	10	2	6	2	
20	Phó Đức Chính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	100,00	10	2	6	2	
21	Nguyễn Tiểu La	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	100,00	10	2	6	2	
22	Phan Kế Bính	Lê Công Kiều	Nam Quốc Cang	100,00	10	2	6	2	
23	Nguyễn Huy Tường	Lê Thánh Tông	Hết đường	150,00	10	2	6	2	Hẻm số 86 Lê Thánh Tông
24	Nguyễn Phi Khanh	Lê Thánh Tông	Hết đường	150,00	10	2	6	2	Hẻm số 90 Lê Thánh Tông
25	Sư Vạn Hạnh	Lê Thánh Tông	Hết đường	150,00	10	2	6	2	Hẻm số 92 Lê Thánh Tông
26	Phan Văn Khỏe	Lê Thánh Tông	Hết đường	150,00	10	2	6	2	Hẻm số 102 Lê Thánh Tông
27	Nguyễn Hiền	Lê Thánh Tông	Hết đường	90,00	10	2	6	2	Hẻm số 126 Lê Thánh Tông
Tổng cộng:				9.532,00					